

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2022/DS-ST
Ngày 04-10-2022
V/v tranh chấp “Hợp đồng mua bán”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ–TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Ngọc Sơn.
2. Ông Lê Mộng L.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Kiến Hoà–Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Mai Ly- Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 10 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 178/2021/TLST–DS ngày 18 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2022/QĐST–DS ngày 26 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Minh V, sinh năm 1976; Địa chỉ: ấp TM, xã M A, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Đào Hồng V, sinh năm 1966; địa chỉ: ấp AB, xã AT, huyện P, tỉnh Bến Tre. Bà V có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Huỳnh Văn Đ, sinh năm: 1968 và anh Huỳnh Vũ L, sinh năm 1992; Địa chỉ: ấp AHB, xã MA, huyện P, tỉnh Bến Tre.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Thái Thị L, sinh năm 1965; Địa chỉ: ấp AHB, xã MA, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Ông Đ, anh L và bà L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Từ tháng 7 năm 2021 đến ngày 23 tháng 02 năm 2022 ông Đ, anh L và bà L nhiều lần mua thức ăn và thuốc để nuôi tôm công nghiệp tại cửa hàng của anh

V. Hình thức mua bán các bên thoả thuận là anh V bao đến cuối vụ, sau khi thu hoạch tôm xong dù lời hay lỗ thì ông Đ, bà L và anh V phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ cho anh V. Tuy nhiên, có những vụ ông Đ, bà L và anh L thua lỗ nhưng anh V vẫn bán tiếp cho ông Đ, bà L và anh L. Tính đến ngày 23/02/2022 thì ông Đ, bà L và anh L nợ anh V số tiền là 196.665.000 đồng và ông Đ, anh L và bà L có ký nhận nợ với anh V.

Sau đó anh V tiếp tục bán cho ông Đ, bà L và anh L nhưng ông Đ, bà L và anh L chỉ mua vôi, thuốc còn thức ăn thì ông Đ, bà L và anh L mua chỗ khác nên hai bên phát sinh mâu thuẫn. Tính đến ngày 30/3/2022 thì ông Đ, bà L và anh L nợ thêm là 32.297.000 đồng.

Như vậy, tổng cộng ông Đ, bà L và anh L có nợ anh V số tiền là 228.962.000 đồng. Tất cả các biên nhận, giấy nợ là do ông Đ, bà L và anh L tự nguyện ký tên.

Nay anh V yêu cầu ông Đ, bà L và anh L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho anh V số tiền là 228.962.000 đồng, trả một lần, không yêu cầu tính lãi.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/8/2022 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn Thái Thị L trình bày:

Bà là vợ của ông Đ, là mẹ của anh L. Bà và ông Đ có đăng ký kết hôn theo quy định. Bà với ông Đ và anh L có nhận được các Toà án nhưng ông Đ và anh L bận công việc gia đình nên không tham gia được.

Năm 2021 gia đình bà mua thuốc xử lý, vôi và hoá chất, thức ăn để phục vụ cho việc nuôi tôm công nghiệp, khi mua bán các bên không làm hợp đồng, chỉ thoả thuận bằng lời nói, không thoả thuận thời hạn trả tiền, khi giao hàng các bên có sổ theo dõi. Khoảng hơn 01 tháng nay anh V không cung cấp hàng hoá cho gia đình bà, do tôm chết nên gia đình bà báo anh V biết, anh V có đưa kỹ sư xuống hồ tôm xem, kỹ sư nói là do tôm bị bệnh gan mà chết. Khi đó, gia đình bà chết 04 hồ tôm công nghiệp, thì anh V bắt đầu ngưng không bán thuốc cho gia đình bà nữa và đề nghị bà với ông Đ và anh L tính toán tất cả các khoản nợ thì bà với ông Đ và anh L có nợ anh V số tiền 196.665.000 đồng, trước đó ông Đ và anh L cũng có nợ anh V số tiền là 32.297.000 đồng.

Bà thừa nhận bà với ông Đ và anh L có nợ của anh V số tiền là 228.962.000 đồng, các giấy nợ, biên nhận do anh V cung cấp khi khởi kiện bà với ông Đ và anh L là do bà, ông Đ và anh L ký nhận với anh V.

Hiện nay gia đình bà đang gặp khó khăn nên không có trả năng trả một lần theo yêu cầu anh V, bà yêu cầu trả dần trong thời hạn 03 năm nhưng không biết trả như thế nào, bà cam kết trả trong 03 năm là hết số tiền 228.962.000 đồng.

Riêng ông Đ thì có yêu cầu anh V và ông kỹ sư (không biết tên gì, ở đâu) xuống nhà bà nói chuyện thì ông Đ sẽ trả tiền cho anh V.

Bị đơn ông Huỳnh Văn Đ, anh Huỳnh Vũ L; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thái Thị L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần các thông báo, quyết định nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không cung cấp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70,71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt là chưa chấp hành nghiêm túc quy định của pháp luật.

Về nội dung: căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh V. Buộc ông Huỳnh Văn Đ, anh Huỳnh Vũ L và bà Thái Thị L có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Phạm Minh V số tiền là 228.962.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Huỳnh Văn Đ và anh Huỳnh Vũ L hiện đang sinh sống và đăng ký hộ khẩu tại số 3/5 ấp An Hoà B, xã An Nhơn, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 33, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: Bị đơn ông Huỳnh Văn Đ và anh Huỳnh Vũ L; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thái Thị L đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông Đ, anh L và bà L đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ, anh L và bà L.

[4] Về nội dung vụ án: Anh V yêu cầu ông Đ, bà L và anh L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho anh V số tiền là 228.962.000 đồng, trả một lần, không yêu cầu tính lãi. Bà L thừa nhận bà với ông Đ và anh L có nợ của anh V số tiền là 228.962.000 đồng, các giấy nợ, biên nhận do anh V cung cấp khi khởi kiện bà với ông Đ và anh L là do bà, ông Đ và anh L ký nhận với anh V. Hiện nay gia đình bà đang gặp khó khăn nên không có trả năng trả một lần theo yêu cầu anh V, bà yêu cầu trả dần trong thời hạn 03 năm nhưng không biết trả như thế nào, bà cam kết trả trong 03 năm là hết số tiền 228.962.000 đồng.

[5] Xét thấy: Hợp đồng mua bán tài sản giữa anh V với ông Đ, anh L và bà L được xác lập trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc nên được xem là hợp đồng hợp pháp. Bà L thừa nhận hiện nay ông Đ, anh L và bà còn nợ chị L số tiền là 228.962.000 đồng. Do đó, đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Như vậy, có căn cứ xác định hợp đồng vay tài sản giữa các bên được xác lập trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không ai bị lừa dối hoặc bị ép buộc; các bên đều có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên được xem là hợp đồng hợp pháp. Do vậy hợp đồng này làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên nên các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết. Quá trình thực hiện ông Đ, anh L và bà L đã vi phạm hợp đồng mà hai bên đã thỏa thuận làm phát sinh tranh chấp. Lẽ đó, việc anh V yêu cầu ông Đ, anh L và bà L phải có nghĩa vụ liên đới giao trả cho chị L số tiền 228.962.000 đồng là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Trong quá trình tố tụng bà L cho rằng hiện nay kinh tế gia đình bà rất khó khăn, không có khả năng trả một lần, bà yêu cầu trả dần trong thời hạn 03 năm nhưng không biết trả như thế nào. Xét thấy: Do ông Đ, anh L và bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho chị V trong một thời gian dài làm ảnh hưởng đến quyền lợi của anh V. Ông Đ, anh L và bà L không chứng minh được kinh tế gia đình mình đang gặp khó khăn. Đồng thời, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không chấp nhận yêu cầu của ông Đ, anh L và bà L nên không có căn cứ chấp nhận.

[7] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bà L và anh V phải liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Do ông Đ là con của liệt sĩ nên được miễn nộp án phí theo quy định.

[8] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm b, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430, 440, 357 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2021; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Minh V. Buộc ông Huỳnh Văn Đ, anh Huỳnh Vũ L và bà Thái Thị L có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Phạm Minh V số tiền là 228.962.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất

quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Phạm Minh V được Chi Cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.724.000 đồng theo biên lai thu số 0007383 ngày 14 tháng 7 năm 2022.

Ông Huỳnh Văn Đ được miễn nộp án phí.

Bà Thái Thị L và anh Huỳnh Vũ L phải liên đới nộp là 7.632.066 đồng.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Vân

